TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2022/DS-PT
Ngày: 17/02/2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy Giấy CN QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn
Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Hữu Ba
2/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Trần Ngọc Đảm, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm, thụ lý số 222/2018/TLPT-DS ngày 13/7/2018, về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất",* giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: **1/ Ông Nguyễn Văn M**, sinh năm 1949;
2/ Bà Kiều Thị A, sinh năm 1951;
Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang Th (Có mặt);
Địa chỉ: 159/18A BĐ, phường X, quận T, Tp.HCM.

Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm 1951;
Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hỏa Hồng Ng (Vắng mặt);
Địa chỉ: 205/18C8/78 THĐ, phường X, quận Y, Tp.HCM.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn:
Luật sư Nguyễn Quốc Đ, Cty TNHH MTV Thiện Việt
Địa chỉ: 127/2/39 BL, phường X, quận B, Tp.HCM (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ UBND thành phố C;
Địa chỉ: 77 NQ, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Nguyễn Văn H1 (Đồng), sinh năm 1952;
Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau

4/ Bà Nguyễn Thị Đ (Hai), sinh năm 1940;
Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

5/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện ủy quyền của bà Đ, bà N, bà K: Ông Nguyễn Văn T.
Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Đào Công Kh (Có mặt)
Địa chỉ: 10D LHP, khóm A, Phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

7/ Bà Nguyễn Thị Bích Th (Nguyễn Thị Bích Hạnh), sinh năm 1981;
Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M (là nguyên đơn) và ông Nguyễn Văn H (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A trình bày:

Ông bà có quyền sử dụng hai thửa đất số 70 diện tích 2.970m^2 và thửa đất số 67 diện tích 15.850m^2 tọa lạc ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau do UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc hai thửa đất này là do ông bà đổi đất với ông Nguyễn Văn S vào ngày 03/3/1980 (nay ông S đã chết), tại thời điểm tham gia đổi đất thì ông bà có xin phép và đã được chính quyền cho phép. Sau khi đổi đất ông bà quản lý sử dụng đất làm nhà ở và canh tác cho đến nay, không tranh chấp với ai.

Đến năm 1997, ông Nguyễn Văn H tự ý vào thửa đất số 70 cất nhà ở, ông có báo chính quyền nhưng chính quyền không can thiệp nên ông H ở đó cho đến nay.

Việc cho rằng ông mua đường nước của ông H là do khi chuyển đổi nuôi tôm năm 2002 ông và ông T1 không có đường thoát nước nên ông có yêu cầu Công an xã giải quyết, công an giải quyết tạm thời: Ông và ông T1 giao cho bà T2 (vợ ông H) 02 chỉ vàng để đổi lấy đường nước sử dụng, bà T2 có làm biên nhận tiền có Công an xác nhận, tại thời điểm đó ông đã có tranh chấp với bà T2.

Ông H cất nhà, chôn vợ con trên đất ông có báo chính quyền thì chính quyền nói cứ để cho ông H làm khi nào giải quyết đất của ông thì ông lấy lại.

Đến nay ông khởi kiện ông H ra Tòa, trước đó ông H cũng có kiện ông nhưng đã rút yêu cầu và Tòa án đình chỉ vụ án.

Nhà của ông cất sát lộ, một căn của con gái tên Nguyễn Thị Bích Th vào năm 2015, còn căn của ông cất năm 2016 đều là nhà cột đúc, vách tường, khi cất phía ông H không ngăn cản, gia đình ông có xin giấy phép xây dựng đầy đủ, toàn bộ phần đất trên bờ thuộc thửa số 67 do ông đứng tên quyền sử dụng đất ông đã tách cho bà Nguyễn Thị H một phần 4,5 công tầm lớn 6.120m^2 vào năm 1990 chưa cắt sổ nhưng đã giao đất rồi.

Nay ông bà yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải tháo dỡ toàn bộ căn nhà và di dời công trình, cây cối trên đất trả lại ông bà phần đất có diện tích 2.970m^2 tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau. (Đối với số tiền 49.000.000đồng nợ Ngân hàng ông đã trả xong).

Đối với yêu cầu phản tố của ông H về diện tích 1.574,3m^2 phía trên bờ vị trí vợ chồng ông M đang cất nhà ở; ông M, bà A không đồng ý. Đồng thời, ông M và bà A cũng không đồng ý với yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T và ông H1.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Năm 1976, cha mẹ vợ ông là ông Nguyễn Văn U, bà Lê Thị B (đã chết) cho vợ chồng ông một phần đất diện tích 9.410m^2 tọa lạc ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau. Phần đất này vợ chồng ông đã cất nhà ở đến nay, thuộc thửa số 70, đến năm 1984 ông đăng ký đất đai tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Cà Mau (nay là xã Hoà Thành, thành phố Cà Mau) được cấp giấy đăng ký.

Đến khoảng năm 1997, Nhà nước phóng lộ cắt ngang chia đất của ông làm hai thửa, một thửa dưới mé sông hiện ông đang quản lý, một thửa trên bờ tiếp giáp đất ông M, bà A, rồi ông M bà A chiếm luôn phần đất này của ông.

Năm 2002, phía ông M hỏi mua của ông một phần đất chiều ngang 02m dài từ mé lộ xuống mé sông để làm đường nước nuôi tôm, việc mua bán đôi bên chỉ viết giấy tay xã xác nhận, hiện tại ông chỉ quản lý phần đất dưới mé sông, trên đất có cất nhà gỗ, năm 2003 vợ, con ông chết được chôn trên phần đất này. Nên ông H không đồng ý trả đất theo yêu cầu của phía ông M, bà A.

Ông H xác định thêm phần đất thửa số 70 ông đang quản lý là của vợ chồng ông, vợ ông mất năm 2003, có 04 người con gồm: Nguyễn Thị M (chết), D1 không rõ họ và địa chỉ; Nguyễn Thị T (đã chết, có hai đứa con tên Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Văn V đều sống trong Bảo trợ xã hội phường 9, TP. Cà Mau, Nguyễn Văn T3 không biết địa chỉ và Nguyễn Thị L không biết địa chỉ.

Sau đó ông có sống chung với bà Nguyễn Thị Th (đã chết năm 2017, không có con).

Ngoài ra, đối với phần đất phía trên bờ của ông phía ông M đang quản lý có diện tích 1.574,3m^2, ông H yêu cầu ông M hoàn trả lại cho ông. Đồng thời, yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M thuộc thửa số 70 và một phần thửa 67 như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông M đã cung cấp cho Tòa án. Đồng thời, ông H cũng không đồng ý đối với yêu cầu độc lập của những người liên quan xác định phần đất ông đang sử dụng là di sản thừa kế.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1(Đồng), Nguyễn Thị Đ (Hai), Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K và người đại diện hợp pháp là ông Trần Quốc Th trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của ông Nguyễn Văn U và bà Lê Thị B là cha mẹ ruột của bà T2 và những người liên quan.

Năm 1967, ông U có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S 10 công đất tầm phát cấy đất làm ruộng, ranh giới từ bờ bao ngăn mặn trở vào hậu, không có chuyển nhượng phần đất thổ cư từ bờ bao ngăn mặn đến bờ kinh xáng Gành Hào.

Đến năm 1980, ông S chuyển đổi đất cho ông M với diện tích 1,3ha. Năm 1993, ông M đã tự kê khai bao trùm hết phần đất thổ cư và được Uỷ ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Năm 1995, Uỷ ban nhân dân xã Hoà Thành hoà giải và có kết luận: Phần đất thổ cư thuộc quyền sử dụng của ông U, ông M không có quyền tranh chấp, nếu không đồng ý thì yêu cầu cơ quan thẩm quyền giải quyết. Những người liên quan đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu giải quyết vào các năm 2012, 2013, 2015 tại các cấp chính quyền địa phương nhưng giải quyết không thành. Đến năm 2016, thì ông M mới khởi kiện yêu cầu giải quyết phần đất tranh chấp với ông H.

Đối với yêu cầu phản tố của ông H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định: Phần đất tranh chấp là di sản thừa kế do ông U và bà Lê Thị B chết để lại chứ không thuộc quyền sở hữu của cá nhân bà T2 và ông H.

Do đó, đại diện những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến di sản thừa kế, ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn T có yêu cầu độc lập với nội dung:

Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1203/GCNĐĐ ngày 27 tháng 5 năm 1993 của UBND thị xã Cà Mau cấp cho ông Nguyễn Văn M thuộc thửa số 70, diện tích 2.970m^2 toạ lạc tại ấp Hoà Trung, xã Hoà Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công nhận phần đất có diện tích 3.057,7m^2 thuộc thửa 126 tờ bản đồ số 9

toạ lạc tại ấp Hoà Trung, xã Hoà Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo đo đạc thực tế thửa 70) là di sản thừa kế của anh chị em của ông T, ông H1, về việc chia thừa kế thì những người thừa kế tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích Th trình bày:

Vào tháng 8 năm 2015, cha mẹ là ông M và bà A có cho chị một phần đất để cất nhà có kích thước ngang 4,7m, dài 16m nằm trên vị trí đất ông H có yêu cầu phản tố. Phần đất này, ông M và bà A chưa tách quyền sử dụng đất cho chị. Đối với yêu cầu phản tố của ông H, chị không đồng ý.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A về việc buộc ông Nguyễn Văn H trả lại phần diện tích đất 3.057,7m^2 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A trả lại phần diện tích đất 1.574,3m^2 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1203 ngày 27/5/1993 của UBND thị xã Cà Mau cấp cho ông Nguyễn Văn M tại thửa số 70 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau.

Công nhận diện tích đất 3.057,7m^2 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn U, bà Lê Thị B chết để lại, các đồng thừa kế có quyền thỏa thuận chia hoặc yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

3/ Chi phí đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Văn M chịu số tiền 5.500.000đồng đã nộp xong. Ông H chịu số tiền 10.106.000đồng đã nộp xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 17/4/2018, ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, đề nghị phúc xử lại theo hướng chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 19/4/2018, ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, đề nghị phúc xử lại theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, cho rằng bản án sơ thẩm không thỏa đáng gây thiệt hại đến quyền lợi của phía nguyên đơn và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về việc đòi lại đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên có diện tích được đo đạc là 3.057,7m^2 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau.

Phía bị đơn, có Luật sư trình bày cho rằng nguồn gốc đất nêu trên là của gia đình ông H được bố mẹ vợ cho, các tài liệu đã có đầy đủ nộp trong hồ sơ do đó yêu cầu phản tố của phía bị đơn là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn là chưa phù hợp, vì vậy luật sư đề nghị căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ để chấp nhận yêu cầu phản tố của phía ông H.

Phía những người có quyền, nghĩa vụ liên quan gồm ông T, ông H1, bà Đ, bà N, bà K cho rằng, nguồn gốc đất là của vợ chồng ông U, bà Lê Thị B chỉ chuyển nhượng một phần cho ông M, phần còn lại những người con bà Lê Thị B và ông U được quyền yêu cầu đòi lại đối với phần thừa kế trên là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và chấp nhận yêu cầu của phía những người liên quan nêu trên là phù hợp, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A và phía bị đơn ông Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung giải quyết kháng cáo:

[2.1] Những căn cứ xác định nội dung giải quyết:

Căn cứ vào giấy chuyển nhượng đất ngày 09/02/1967, có nội dung: *Ông S mua diện tích đất của ông U, bà Lê Thị B vào năm 1967.*

Căn cứ đơn chuyển đổi đất ngày 03/3/1980, có nội dung: *Ông S đã chuyển đổi diện tích đất mua của ông U, bà Lê Thị B cho ông M.*

Căn cứ Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai do Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành lập ngày 27/5/1995, có nội dung: *Bà Lê Thị B trình bày năm 1967 bà có bán cho ông S diện tích đất là 1,3ha nhưng diện tích thực tế bà có giao cho ông S là hơn 1,56ha, bà cho rằng việc giao diện tích đất này là theo Luật người cày có ruộng lúc bấy giờ, nên bà đã giao luôn đất trên cho ông S làm.*

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1203 ngày 27/5/1993 do UBND thị xã Cà Mau cấp cho ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A.

[2.2] Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 2.970m^2 thửa 70 tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau đo thực tế 3.057,7m^2 theo bản vẽ ngày 25/11/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Công nghiệp Quan trắc Tài nguyên Môi trường thuộc sở Tài nguyên và Môi trường của tỉnh Cà Mau.

Phía nguyên đơn cho rằng đất này phía nguyên đơn đã đổi của ông Nguyễn Văn S vào năm 1980, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp vào năm 1993, đến năm 1997 thì ông H đã tự cất nhà trên đất do đó nguyên đơn đòi lại phần diện tích này.

Phía bị đơn thì cho rằng, đất này là của cha mẹ vợ là ông Nguyễn Văn U và bà Lê Thị B (hiện nay đã chết) cho, bị đơn quản lý, sử dụng từ lâu nên có yêu cầu phản tố đòi ông M và bà Nguyễn Thị Bích Th (là con ông M) phải dỡ trả lại diện tích 1.574,3m^2 theo bản vẽ ngày 25/11/2016.

Phía người có quyền nghĩa vụ liên quan ông T, ông H1, bà Đ, bà N, bà K thì cho rằng, là những người con của ông U, bà Lê Thị B nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M đối với diện tích 3.057,7m^2 vì đây là di sản thừa kế của ông U, bà Lê Thị B và yêu cầu được công nhận đối với phần thừa kế nêu trên cho những người liên quan.

Do các bên đương sự không thống nhất về các yêu cầu, nên từ đó đã phát sinh tranh chấp.

[2.3] Xét thấy:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A:

Theo hồ sơ thể hiện ông U, bà Lê Thị B đã chuyển nhượng phần đất trên cho ông S và các bên đã thừa nhận trong hồ sơ theo các tài liệu thể hiện từ các giai đoạn tranh chấp đất đai giữa ông M và ông H từ năm 1995 cho đến khi thụ lý vụ án dân sự đến nay.

Nguồn gốc đất thể hiện, ông M có đổi đất với ông S và được UBND thị xã Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993 cho ông M.

Sau khi ông M nhận chuyển đổi đất, thì ông H (con rễ của ông U, bà Lê Thị B) đến cất nhà và bao lấn trên diện tích chuyển đổi là 3.057,7m^2, do đó phía ông M đòi lại diện tích đất nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trong thời gian dài ông M không tranh chấp là chưa đúng với diễn biến về việc giải quyết hòa giải tranh chấp đất đai ở địa phương, cũng như việc giải quyết ở các cấp theo hồ sơ đã thể hiện, nên có cơ sở sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Hiện nay trên diện tích đất có khu mộ là 56m^2 và căn nhà được xây dựng trên đất. Phía ông M đồng ý giao khu mộ nêu trên cho gia đình ông H quản lý, sử dụng, riêng đối với căn nhà thì phía nguyên đơn cũng đồng ý hỗ trợ số tiền 150.000.000đồng để di dời và đồng ý mở con đường có chiều dài 18m + 12,7m có chiều ngang là 2m theo bản vẽ ngày 08/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghiệp - Quan trắc Tài nguyên Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Xét việc đồng ý mở lối đi vào khu mộ và hỗ trợ tiền di dời nêu trên là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H:

Diện tích 3.057,7m^2 trong đó có 1.574,3m^2 ông M, Nguyễn Thị Bích Th (con ông M) cất nhà ở. Phía ông H cho rằng, diện tích trên ông U và bà Lê Thị B là cha mẹ vợ đã cho ông, nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc cho tặng này, mặt khác trong suốt thời gian có tranh chấp phía ông U, bà Lê Thị B, ông H đều không có tranh chấp, trước đây ông H có làm đơn khởi kiện nhưng sau đó lại rút đơn khởi kiện từ đó Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, nay Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu phản tố của phía ông H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, do đó cấp phúc thẩm giữ nguyên về phần này.

Đối với yêu cầu độc lập của những người liên quan là con của ông U, bà Lê Thị B gồm: Ông T, ông H1, bà Đ, bà N, bà K:

Theo giấy chuyển nhượng đất năm 1967 giữa ông U, bà Lê Thị B với ông S và Giấy chuyển đổi đất giữa ông S với ông M thì việc chuyển nhượng và chuyển đổi đất nêu trên đã thực hiện xong vào năm 1967 và năm 1980.

Từ đó ông M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993 là đúng theo các quy định về pháp luật về đất đai cũng như đúng với các quy định về chính sách của đất đai. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của người liên quan, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là chưa phù hợp, do đó cấp phúc thẩm sửa lại phần này, không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông T, ông H1, bà Đ, bà N, bà K.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không được chấp nhận yêu cầu phải chịu theo luật định, do ông H, ông H1, bà Đ, bà K là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí DSST.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không được chấp nhận kháng cáo phải chịu theo luật định, do ông H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí DSPT.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng các 256, 634, 635 Bộ luật Dân sự 2005

Áp dụng các Điều 105, 136 Luật Đất đai 2003.

Áp dụng Luật Đất đai 2013

Áp dụng Nghị quyết Quốc hội về lệ phí án phí Tòa án

Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại phần diện tích đất 3.057,7m^2 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau và di dời tài sản trên đất, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A đồng ý giao khu mộ có diện tích 56m^2 cho ông Nguyễn Văn H và lối đi vào khu mộ có chiều dài 18m ngang 2m và chiều dài 12,7m ngang 2m, theo Bản vẽ hiện trạng ngày

08/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A giao cho ông Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000đồng chi phí di dời tài sản trên đất.

Việc giao đất và giao tiền thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Nguyễn Văn M, bà Kiều Thị A trả lại phần diện tích đất 1.574,3m^2 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi công nhận diện tích đất 3.057,7m^2 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn U, bà Lê Thị B chết để lại.

4/ Chi phí đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Văn M chịu số tiền 5.500.000đồng đã nộp xong. Ông H chịu số tiền 10.106.000đồng đã nộp xong.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, ông H1, bà Đ, bà K là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí DSST.

Hoàn trả cho ông M, bà A số tiền 2.227.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu số 0003142 ngày 14/7/2016 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả cho ông H số tiền 2.415.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu số 0003233 ngày 04/8/2016 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau.

Ông T, bà N mỗi người chịu số tiền 2.140.390đồng, được khấu trừ số tiền 2.227.000đồng tạm ứng án phí DSST do ông H1, ông T đã nộp theo Biên lai thu số 001123 ngày 20/6/2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau, như vậy ông T, bà N còn phải nộp 2.053.780đồng án phí DSST.

6/ Án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không được chấp nhận kháng cáo phải chịu theo luật định, do ông H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí DSPT.

Hoàn trả cho ông M, bà A số tiền 600.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo các Biên lai thu số 00031 ngày 17/4/2018 và số 00059 ngày 17/5/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả cho ông H số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số 00039 ngày 27/4/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau.

7/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

8/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ HOÀNG TẤN